

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35 /2020/HNGĐ - ST

Ngày: 24/9/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huyền Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thu Hạnh

2. Ông Trần Văn Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì – thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì – thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 312/2020/TLST – HNGĐ ngày 01/07/2020 về việc”Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bảo N, sinh năm 1990.

Trú tại: Số 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

(Xin vắng mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Lục Tiến S, sinh năm 1992

Trú tại: Xóm 8, thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 22/05/2020, được bổ sung bản tự khai ngày 17/7/2020, ***nguyên đơn - chị Nguyễn Bảo N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lục Tiến S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội ngày 04/03/2016. Cả hai cùng kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ xóm 8, thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội được thời gian ngắn thì anh chị thuê trọ sinh sống.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên va chạm cãi vã làm cho cuộc sống căng thẳng mệt mỏi.

Anh S không chịu làm ăn và thường xuyên gây sự với chị, đánh đập chị một cách vô cớ. Chị đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S không thay đổi vẫn chứng nào tật ấy.

Đến tháng 8/2017, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị không thể chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Và cũng từ thời gian này, vợ chồng sống ly thân và không liên lạc với nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả án phí.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, ***bị đơn – anh Lục Tiến S trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Bảo N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội ngày 04/03/2016. Cả hai cùng kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ xóm 8, thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội được thời gian ngắn thì anh chị vào miền Nam làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống được hơn 01 năm thì cùng quay về Hà Nội và tiếp tục sinh sống tại nhà bố mẹ anh tại địa chỉ trên.

Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, luôn xảy ra va chạm cãi vã làm cho cuộc sống căng thẳng mệt mỏi. Anh hay uống bia uống rượu và say thì mới đánh đập chị một cách vô cớ. Vợ chồng luôn xảy ra va chạm cãi vã và đến cuối năm 2017, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Và cũng từ thời gian này, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặc dù vợ chồng không chung sống với nhau, không còn tình cảm với nhau nữa nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 07/09/2020, Truong thôn Y cho biết:

Quá trình chung sống tại địa phương, chị N và anh S có xảy ra mâu thuẫn, như thế nào thì thôn không nắm được. Chị N không có thiện chí hòa giải và cương quyết xin ly hôn anh S. Hiện chị N không sinh sống tại địa phương. Ông cho biết, chị N anh S có nhiều mâu thuẫn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản chung, nhà ở thì Thôn không nắm được.

Tại phiên tòa,

Anh S xác định mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ. Anh đồng ý ly hôn chị N.

Do chị N xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã công bố ý kiến, lời khai của chị N trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Về quan hệ hôn nhân, chị N giữ yêu cầu xin ly hôn anh S vì mâu thuẫn đã lâu và sâu sắc, chị không thể tiếp tục sống chung với anh S, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hòa hợp đoàn tụ. Về con chung: anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu: Quá trình Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Bảo N đối với anh Lục Tiến S; Về con chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ Pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân nhân gia đình, bị đơn cư trú tại Xóm 8, thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào 09h ngày 24/09/2020, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xử vắng mặt chị N theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bảo N và anh Lục Tiến S kết hôn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội ngày 04/03/2016. Cả hai cùng kết hôn lần đầu, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị sống không hạnh phúc. Vợ chồng không có tiếng nói chung, anh S nhiều lần đánh đập chị N một cách vô cớ. Năm 2017, do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Và cũng từ thời gian này vợ chồng sống ly thân, không liên lạc với nhau.

3. Xét yêu cầu ly hôn của chị N: Quá trình chung sống, anh chị đã có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân thời gian dài, anh S nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị N một cách vô cớ, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh S không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, có căn cứ xác định việc mâu thuẫn giữa chị N và anh S đã trầm trọng, vợ chồng không hạnh phúc là mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh S.

4. Về con chung: Chị N và anh S xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Bảo N đối với anh Lục Tiên S, chị N được ly hôn anh S.

Về con chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0006714 ngày 30/06/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh S, vắng mặt chị N. Anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKSND huyện Thanh Trì;;
- Chi cục THA huyện Thanh Trì;
- UBND xã T;
- (CNKS số 11/04.03.2016;
- L- u VP, HS.

Lê Huyền Thu